

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 81/2019/HS-ST
Ngày 17 - 10 - 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái.

2. Ông Trần Ngọc Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2019/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng K (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 6 năm 1980 tại xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng G và bà Phạm Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 02 con; tiền án: 01 tiền án (Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/8/2018); tiền sự: 01 tiền sự (Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 140a ngày 01/9/2017 của Công an huyện M, Hà Nội phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản).

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2002/HSST ngày 26/02/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2005.

Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 1907 ngày 10/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với bị cáo thời hạn là 24 tháng, bị cáo chấp hành xong về địa phương ngày 05/9/2014.

Bị cáo hiện là phạm nhân, đang chấp hành hình phạt 06 tháng tù tại Trại tạm giam số 01- Công an thành phố Hà Nội từ ngày 02/5/2019 (Bản án hình sự số 68/2019/HSST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội), “có mặt”.

2. Nguyễn Hữu B, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1990 tại xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu B và bà Lê Thị C; vợ con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án (Tại bản án hình sự số 16/2018/HSST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 ngày 22/8/2017 của Công an huyện B phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo nộp phạt xong ngày 24/8/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2019 đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “ vắng mặt”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “ vắng mặt”.

Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “ có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hữu B ở cùng thôn có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19 tháng 4 năm 2019, Nguyễn Hoàng K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền chi tiêu nên gọi điện cho B và nói “có đi làm tý không”, ý rủ B đi trộm cắp, B đồng ý và hẹn gặp K ở khu vực bãi đổ rác của thôn L, xã P. Sau đó K đi bộ từ nhà đến điểm hẹn còn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 88G1 - 313.19 đến điểm hẹn. Tại đây K nói với B “đi sang Đ” ý bảo B đi sang bên xã Đ để trộm cắp, B đồng ý và điều khiển xe mô tô chở K đi qua các nhà dân quan sát có sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi B điều khiển xe mô tô đi qua nhà anh Nguyễn Văn D ở thôn T, xã Đ thì K phát hiện cửa nhà không đóng mà chỉ khép lại, K liền vỗ vai B và nói “Quay lại, quay lại”, B đồng ý vòng xe lại đi đến cách cổng nhà anh D khoảng 5m để cảnh giới còn K xuống xe đi đến cửa nhà anh D giả vờ gọi “Anh ơi, anh ơi” nhưng không ai thưa, K xác định không có ai ở nhà nên vào trong sân nhà anh D quan sát thấy có 01 máy khoan nhãn hiệu Senna màu đỏ, 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Crown màu ghi đã cũ đều có dây điện để ở gầm bàn bên trái hướng từ cửa vào. K đi ra và nói với B “không có ai ở nhà, anh nhìn thấy có hai cái máy”, B nói “Xem lấy được gì thì lấy”. Sau đó K mượn điện thoại của B

giả vờ nghe điện thoại để đi vào nhà anh D sau đó dùng tay phải nắm lấy 02 dây điện của máy cắt sắt và máy khoan rồi đi ra ngoài đường lên xe của B đang đợi sẵn và nói “Đi nhanh lên”. Sau khi đi được khoảng 50m thì có K nói với B “xuống C bán luôn” ý bảo B xuống thôn C, xã P để bán tài sản trộm cắp. B đồng ý và chờ K đến thôn C 1 thì thấy có cửa hàng bán sắt vụn của anh Trần Văn T ở thôn C, xã P mở cửa. B dùng xe cầm máy cắt sắt và máy khoan đi vào cửa hàng gặp anh T còn K đi theo sau. Gặp anh T, B nói “Anh có mua máy này không”, T hỏi “Máy này ở đâu” thì B nói dối “Máy em không dùng đến em mang đi bán” ý nói máy của B không dùng nữa nên mang đi bán. Anh T đồng ý và thỏa thuận với B và K mua 02 máy trên với giá 300.000 đồng. Sau đó B và K chia nhau mỗi người 150.000 đồng, cả hai đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 21 tháng 4 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 88G1 - 313.19 là phương tiện dùng vào việc phạm tội do ông Nguyễn Hữu B (là bố của bị cáo Nguyễn Hữu B) giao nộp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 máy cắt Crown màu ghi đã qua sử dụng do anh Trần Văn T giao nộp; đối với chiếc máy khoan nhãn hiệu Senna màu đỏ, quá trình điều tra anh Trần Văn T khai nhận sau khi mua đã bán lại cho một nam giới không rõ danh tính với giá 120.000 đồng, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm được.

Đối với chiếc điện thoại di động của B và của K dùng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp, quá trình điều tra B và K khai nhận sau khi phạm tội đã bán cho một cửa hàng điện thoại không rõ địa chỉ ở huyện M, thành phố Hà Nội nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá đối với tài sản bị trộm cắp. Tại Kết luận định giá số 34/KL-ĐG ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B đã kết luận: 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Crown màu ghi trị giá 200.000 đồng, 01 máy khoan nhãn hiệu Senna màu đỏ đã cũ trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 61/CT-VKSBX ngày 05/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu B, Nguyễn Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a, b Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo K từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Đề nghị áp dụng: điểm b, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại nhà riêng của anh Nguyễn Văn D ở thôn T, xã Đ, huyện B lợi dụng sơ hở của anh D, Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hữu B đều có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm: 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Crown màu ghi đã cũ trị giá 200.000 đồng, 01 máy khoan nhãn hiệu Senna màu đỏ trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 400.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng của vụ án, sơ đồ, bản ảnh hiện trường,... Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...”

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B bản thân đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Riêng bị cáo K còn bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện, lười lao động nay lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người khác, lén lút

trộm cắp tài sản là 01 chiếc máy cắt sắt và 01 chiếc máy khoan có tổng trị giá là 400.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy:

Đối với Nguyễn Hoàng K là người giữ vai trò khởi xướng rủ rê bị cáo B phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu bản thân đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc kết án về tội “Cướp tài sản” và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 02 năm từ năm 2012 đến năm 2014. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Về việc tổng hợp hình phạt: Bị cáo K hiện là phạm nhân đang chấp hành hình phạt 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 68/2019/HSST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành án từ ngày 02/5/2019 đến ngày 01/11/2019. Như vậy, thời hạn chấp hành hình phạt bị cáo Kiên phải chấp hành của bản án nêu trên chỉ còn 15 ngày. Do đó, Hội đồng xét xử không tiến hành tổng hợp hình phạt theo Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K và thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo K trong bản án này sẽ được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với Nguyễn Hữu B là người giữ vai trò đồng phạm tích cực thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy cũng cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với anh Trần Văn T là người mua chiếc máy cắt và máy khoan của K, B đem đến nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra – Công an huyện B không xem xét, xử lý là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc máy cắt nhãn hiệu Crown màu ghi, 01 chiếc máy khoan nhãn hiệu Senna màu đỏ đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án. Ngày 19 tháng 6 năm 2019, Cơ quan điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho anh D chiếc máy cắt nhãn hiệu Crown. Đối với chiếc máy khoan nhãn hiệu Senna, anh Trần Văn T

đã bán cho một người không rõ tên tuổi địa chỉ, Cơ quan điều tra – Công an huyện B đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Sau khi nhận lại tài sản, anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 88G1 - 313.19, quá trình điều tra xác định là của ông Nguyễn Hữu B (bố bị cáo B), B tự ý lấy chiếc xe máy đi làm phương tiện phạm tội, ông B không biết. Ngày 19 tháng 6 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại ông B là phù hợp.

- Đối với số tiền 300.000 đồng của anh T bỏ ra để mua chiếc máy cắt và máy khoan của K, B. Quá trình điều tra, anh T trình bày vì trị giá số tiền thấp nên anh cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên cần không truy thu đối với số tiền trên.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh và mức hình phạt là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hoàng K 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Hữu B 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 24 tháng 5 năm 2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Hữu B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Nơi nhận:***
- Các bị cáo;
 - Viện KSND H.B;
 - Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
 - Cơ quanĐT - Công an H.B;
 - Cơ quan THAHS - Công an H.B;
 - Cơ quan THADS H.B;
 - Các đương sự;
 - Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ